

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/DS - PT

Ngày: 06 - 5 - 2020

V/v tranh chấp bồi thường  
thiệt hại do tài sản, tính mạng  
bị xâm phạm

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Khánh

Bà Lê Thị Bích Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản, tính mạng bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2019/DS-ST ngày 04-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số nhà 161, ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Ngô Tấn T1, Văn Phòng luật sư Minh Tấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số 416, đường N, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà 203/3, Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

**- Người làm chứng:**

1. Ông Bùi Minh P, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Võ Ngọc T2, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà 21/3, Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

3. Ông Bùi Thái S, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

4. Ông Lê Minh T3, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

5. Ông Võ Văn T4, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C – Nguyên đơn.

(Bà C, ông T1 và ông T có mặt; những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2017, ông Võ Văn M điều khiển xe biển số đăng ký 62FA – 9483 do ông Võ Văn M đứng tên trong giấy đăng ký sở hữu đến nhà mẹ ruột là bà Lương Thị T5 tại ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An để cho cháo, khi quay về nhà thì bị ông Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 62 F7- 1883 gây tai nạn làm cho chồng bà Nguyễn Thị C bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Long An. Sau đó chuyển đến bệnh viện Chợ Rẫy đến ngày 24 tháng 12 năm 2017 thì ông M chết.

Xét thấy cái chết của ông Võ Văn M là do ông Phạm Văn T gây ra, bà C đã làm đơn gửi đến cơ quan Điều tra công an huyện C, Viện kiểm sát huyện C.

Sau khi sự việc xảy ra, Công an huyện C chỉ có mời bà làm việc một lần và bà Võ Ngọc T2 làm việc một lần. Đám tang ông M có nhận tiền phúng điếu khoảng 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Tại thông báo số 02 ngày 29 tháng 3 năm 2018 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C về thông báo kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm. Nội dung tin báo: Khoảng 16 giờ ngày 23 tháng 12 năm 2017, tại đường bê tông thuộc ấp 3, xã H, huyện C xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ giữa xe gắn máy biển số đăng ký 62 FA-9483 do ông Võ Văn M điều khiển với xe ngược chiều mang biển số đăng ký 62 F7 – 1883 do ông Phạm Văn T điều khiển. Do đó, cái chết của ông M do ông T gây ra và tại Công văn số 180/VKS - P2 ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An yêu cầu bà C làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C để yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do đó, bà C yêu cầu ông Phạm Văn T bồi thường các khoản như sau:

1. Chi phí điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Long An số tiền là 629.547đ (sáu trăm hai mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

2. Chi phí điều trị tại bệnh viện Chợ Rẫy số tiền là 906.896đ (chín trăm lẻ sáu nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

3. Chi phí thuê xe cấp cứu số tiền là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng);

4. Chi phí mai táng (cơ sở mai táng T) số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);

5. Chi phí chân ghế, bàn đọc, giường số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng);

6. Chi phí làm mộ:

+ Vật liệu xây dựng: 11.900.000đ (mười một triệu chín trăm nghìn đồng);

+ Dán mộ gạch, chỉ ron, tranh mai số tiền là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Công thợ làm mộ: 11.000.000đ (mười một triệu đồng);

7. Chi phí trả bia mộ (có kích thước 40x60) số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng);

8. Chi phí đám tang số tiền là 23.623.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng);

9. Tiền tổn thất tinh thần 15 tháng lương cơ sở số tiền là 15 tháng x 1.300.000đ/tháng số tiền là 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng);

10. Tiền sửa xe chưa sửa nhưng dự kiến số tiền là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền là 127.099.416đ (một trăm hai mươi bảy triệu chín mươi chín nghìn bốn trăm mười sáu đồng) và yêu cầu ông T trả một lần, hạn cuối cùng trả toàn bộ số tiền là ngày 05 tháng 11 năm 2019.

*Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:*

Sau khi tai nạn xảy ra thì Công an huyện C đã mời ông làm việc ba lần. Ông điều khiển xe bên phải theo hướng đi của xe ông. Đối với yêu cầu của bà C ông không đồng ý vì không có lỗi. Do tai nạn xảy ra ngoài ý muốn nên ông tự nguyện hỗ trợ cho bà C số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), nếu phía nguyên đơn đồng ý thì ông hỗ trợ tiền ngay sau khi hòa giải.

*Người làm chứng bà Võ Ngọc T2 trình bày:*

Ngày xảy ra tai nạn thì ông Sang báo cho bà biết, khi bà đến nơi thì thấy hai xe đã dựng đứng, ông M nằm dưới đường, ông T đứng trên kia. Ông M nói mày đụng tao chứ tao không đụng mày. Còn ông T nói ông M đụng ông T. Sau đó ông M được đưa đi cấp cứu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2019/DS-ST ngày 04-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

- Căn cứ Khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 3 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc buộc ông Phạm Văn T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với tổng số tiền là 127.099.416đ (một trăm hai mươi bảy triệu chín mươi chín nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông Phạm Văn T cho bà Nguyễn Thị C.

Ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C với số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-12-2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bà, buộc ông Phạm Văn T bồi thường tổng cộng các khoản 127.099.416 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hiện trường vụ tai nạn bị xáo trộn, con đường bị khuất tầm nhìn do có khúc co, xem lại dấu vết trên hai xe mô tô, cơ quan điều tra không xác định nồng độ cồn của ông T. Ông M chết là do ông T gây ra nên buộc ông T bồi thường cho bà C 127.099.416 đồng là có căn cứ.

*Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn dẫn đến ông M tử vong là do ông M say rượu, điều khiển xe lấn trái đường nên xe ông M va chạm vào xe ông T. Ông M đã vi phạm vào khoản 8 Điều 8; khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ, cơ quan điều tra không khởi tố vụ án hình sự, ông T không có lỗi nên không phải bồi thường. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:*

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp bồi thường ngoài hợp đồng” là chưa chính xác nên cần sửa án sơ thẩm, xác định lại là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản, tính mạng bị xâm phạm” được quy định tại Điều 589 và Điều 591 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Khoảng 16 giờ ngày 23 tháng 12 năm 2017, tại đường bê tông thuộc ấp 3, xã H, huyện C xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ giữa xe gắn máy biển số 62FA – 9483 do ông Võ Văn M điều khiển theo hướng chùa Hòa Linh đi đường An Thạnh với xe ngược chiều mang biển số 62 F7- 1883 do ông Phạm Văn T điều khiển. Hậu quả ông Võ Văn M tử vong, ông Phạm Văn T bị thương nhẹ. Theo phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu ngày 26-12-2017 của Bệnh viện đa khoa Long An đối với ông Võ Văn M là 2,05mg/ml. Tại giấy ra viện ngày 23 tháng 12 năm 2017, thể hiện: Ông Võ Văn M chấn thương sọ não nặng – máu tụ dưới màng cứng bán cầu trái - phù não lan tỏa. Bệnh nặng, vợ là Nguyễn Thị C xin về, cho về theo nguyện vọng. Ông M chết ngày 24/12/2017. Ngày 24 tháng 12 năm 2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành khám nghiệm tử thi để làm rõ nguyên nhân cái chết của ông Võ Văn M nhưng bà C và gia đình không đồng ý.

[3] Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 23 tháng 12 năm 2017 thể hiện: Hiện trường vụ tai nạn giao thông trên đoạn đường bê tông nhựa, mặt đường bằng, trục đường cong, mặt đường rộng 3m06;

- (1) vị trí xe gắn máy biển số 62FA-9483;
- (2) vị trí khu vực rỉ sắt rơi rớt;
- (3) vị trí xe mô tô biển số 62F7-1883;

Chọn trụ điện số 3 làm mốc cố định và mép đường bên phải của chiều đường hướng chùa Hòa Linh đi đường An Thạnh làm chuẩn.

Tại hiện trường trên mặt đường bê tông có nhiều mảnh rỉ sét li ti rơi rớt cách mép đường 2m20;

- (1) Xe gắn máy biển số 62FA-9483 nằm ngã nghiêng sang trái đầu xe hướng về phía đường An Thạnh. Trục bánh sau đo trực tiếp vào trụ điện số 3 cách nhau 3m90, cách mép đường 1m60, trục bánh trước cách mép đường 1m80 và cách tâm vết rỉ sắt ký hiệu (2) là 0m35;

- (3) Xe mô tô biển số 62F7-1883 nằm ngã nghiêng sang trái đầu xe hướng về chùa Hòa Linh, trục bánh trước cách mép đường 2m70.

[4] Tại các biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện C xác định: Xe gắn máy biển số 62 FA – 9483: Bên trái, mặt trước của ốp chắn ba có nhiều vết trầy xước; bên trái mũi chắn bùn trước bị trầy xước; mặt trước con ốc bên trái trục bánh trước bị trầy xước; đầu dưới gấp (phụộc) trước bên trái bị trầy xước và tróc sơn; bên trái đầu nòng máy bị trầy xước; mặt trước ốp máy xe bên trái bị trầy xước; phanh trước và sau có và hoạt động hiệu lực. Xe mô tô biển số 62 F7 – 1883: Đèn chiếu sáng trước bị bể; ốp nhựa trên bị bể; mặt nạ bị

bể; chắn bùn trước bị bể; vành (niềng) bánh trước bị thụng móp vào trong, bên trong điểm thụng móp bị bong tróc rỉ sắt; mặt trước đầu dưới phuộc trước bên trái bị trầy xước; đầu cần số bị cong ra sau; phanh trước và sau có và hoạt động hiệu lực.

[5] Sau khi tai nạn xảy ra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành ghi lời khai của những người làm chứng là bà Võ Ngọc T2, ông Bùi Thái S, ông Phạm Duy K, ông Võ Văn T4, ông Bùi Minh P và ông Lê Minh T3, cùng xác định: Không ai trực tiếp nhìn thấy tai nạn giao thông xảy ra ngày 23 tháng 12 năm 2017. Sau khi tai nạn giao thông xảy ra thì những người này mới đến địa điểm xảy ra tai nạn.

[6] Tại báo cáo kết quả xác minh số 02 ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện C về tai nạn giao thông xác định: Nguyên nhân của vụ tai nạn trên là do ông Võ Văn M uống rượu say điều khiển phương tiện từ hướng chùa Hòa Linh đi đường An Thạnh lấn trái đường gây tai nạn, do có nhiều mảnh rỉ sét rơi rớt tại hiện trường, từ tâm vùng mảnh rỉ sét rơi cách mép đường chuẩn đo đạc là 2m20, đã vi phạm vào khoản 8 Điều 8; khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định: *“Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”*.

[7] Ngày 29-3-2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C có quyết định số 02 không khởi tố vụ án hình sự. Đến ngày 17-12-2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C mới giao quyết định không khởi tố vụ án hình sự cho bà Nguyễn Thị C. Ngày 18-12-2018 bà C khiếu nại, được Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết khiếu nại bằng quyết định giải quyết khiếu nại số 01 ngày 28-01-2019 với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Như vậy, căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường, các biên bản khám nghiệm phương tiện, báo cáo của Cơ quan cảnh sát điều tra vụ tai nạn giao thông và quyết định không khởi tố vụ án hình sự có cơ sở xác định do ông Võ Văn M uống rượu say điều khiển phương tiện giao thông lấn trái đường gây tai nạn dẫn đến ông M tử vong. Ông Phạm Văn T không có lỗi nên ông T không phải bồi thường cho bà C. Tuy nhiên, ông T xác định tai nạn xảy ra ngoài ý muốn nên ông T tự nguyện hỗ trợ cho bà C số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông Phạm Văn T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với tổng số tiền các khoản là 127.099.416 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của ông T hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C với số tiền là 20.000.000 đồng là có căn cứ theo quy tại Điều 3 và Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, bà Nguyễn Thị C kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bà, buộc ông Phạm Văn T bồi thường 127.099.416 đồng và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền tự nguyện hỗ trợ cho bà C là không đúng theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trong trường hợp này ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí đối với ông T.

[10] Ngoài ra, ông Võ Văn M chết ngày 24/12/2017, có vợ là bà Nguyễn Thị C, có con là Võ Thị Trúc P và Võ Thị Huỳnh L là những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M và chưa làm rõ hàng thừa kế thứ nhất của ông M còn có những ai và Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm tố tụng theo quy định tại khoản 6 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Lẽ ra, cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên, nếu đưa đầy đủ những người này tham gia tố tụng thì cũng không thay đổi bản chất của vụ án, làm cho quá trình giải quyết vụ án kéo dài nên việc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại là không cần thiết. Đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà C là có căn cứ.

#### [12] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do sửa một phần bản án sơ thẩm không liên quan đến nội dung kháng cáo nên bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 85/2019/DS-ST ngày 04-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành;

- Căn cứ Khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 3, Điều 584, Điều 589 và Điều 591 của Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc buộc ông Phạm Văn T bồi thường thiệt hại do tài sản, tính mạng bị xâm phạm với tổng số tiền là 127.099.416đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm mười sáu đồng*).

**2.** Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn T hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C với số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà C đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0002212 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành để thi hành án phí sơ thẩm.

Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm

Bà C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà C đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0000153 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành để thi hành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**



f